

Bản án số: 127/2024/DS-PT  
Ngày 04 – 9 – 2024  
V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trương Thanh Dũng

**Các Thẩm phán:** Ông Lê Phan Công Trí

Ông Trần Minh Tân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2024/TLPT-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2024, về việc tranh chấp chia thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2024/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952; Địa chỉ: ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Anh Phan Văn S, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Bà Tạ Nguyệt T, là luật sư Công ty L, thuộc đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1956 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1960 (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H3. Địa chỉ: ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1962 (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị N (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà Trần Thị V, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (đã chết)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị V gồm:*

4.1. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

4.2. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

4.3. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

4.4. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

5. Bà Thạch Thị N1, sinh năm 1966 (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1989 (vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Văn P2 (vắng mặt).

8. Chị Nguyễn Thị N2 (vắng mặt).

9. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1981 (có mặt).

10. Anh Võ Văn T3, sinh năm 1980

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Văn T3: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1981 (có mặt).*

Cùng địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

11. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1985 (vắng mặt).

12. Anh Đinh Văn C (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

13. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994 (vắng mặt).

14. Chị Lý Hằng N3, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

**- Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn và Nguyễn Minh M1, anh Võ Văn T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- **Người kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn S trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là di sản của cha mẹ ông H là ông Nguyễn Văn T4 và bà Lâm Thị P3 chết để lại. Ông T4 chết vào ngày 18/7/1991 âm lịch, bà P3 chết ngày 12/7/2005 âm lịch. Ông T4 và bà P3 có 06 người con chung gồm: ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị H3.

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2019, ông H yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị Thị c thừa kế theo quy định pháp luật di sản do bà Lâm Thị P3 chết để lại là quyền sử dụng đất diện tích 28.730m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Tuy nhiên, nay do ông H xác định lại đất mà ông H yêu cầu là đất thổ cư và đất vườn tạp, theo hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất gồm ba thửa đất 0335, 0336, 0343 tờ bản đồ số 05 do bà Lâm Thị P3 đứng tên và phần đất ven sông ngang khoảng 100m, dài từ lộ xuống mé sông khoảng 11m. Do cha mẹ ông H chết không để lại di chúc nên ông H yêu cầu chia thừa kế cho các anh em ông H theo quy định pháp luật. Ông H yêu cầu chia cho 06 anh em gồm: ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị H3. Ông H chỉ yêu cầu chia đất, không yêu cầu gì đối với công trình và cây trồng trên đất.

Ngày 04/8/2023, ông H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, không yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 0335 tờ bản đồ số 05 diện tích 6500m<sup>2</sup>, thửa đất số 0343 tờ bản đồ số 05 diện tích 21.000m<sup>2</sup> và phần đất ven sông ngang khoảng 100m chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Do các phần đất này các anh em ông H đã được chia xong, cũng đã quản lý sử dụng ổn định nên ông H không yêu cầu chia nữa và đồng ý để cho ai đang quản lý sử dụng thì được hưởng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông H là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Nay ông H chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 0336 tờ bản đồ số 05 (bản đồ 299) diện tích 1230m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị P3 đứng tên tọa lạc ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Ông H yêu cầu chia theo pháp luật cho 06 anh em ông H gồm: ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị H3. Ông H yêu cầu được nhận đất để cất nhà ở. Ngoài ra ông H không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của ông H xác định phần đất trên lộ hiện do ông H2, ông H1, bà T1, ông P đang quản lý, sử dụng thì ngoài phần đất ông H yêu cầu chia thừa kế có diện tích 1230m<sup>2</sup> thì còn phần còn lại chưa được cấp giấy cho bà P3 nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để ông H làm đơn khởi kiện bỏ sung đối với phần đất trên lộ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H chưa làm đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này và để cho ông H cung cấp vị trí cụ thể phần đất mà ông H đang khởi kiện yêu cầu chia thừa kế.

*Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Văn H2 trình bày:*

Nguồn gốc đất là của cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn T4 và bà Lâm Thị P3. Cha ông chết năm 1991, mẹ ông chết năm 2005. Khi cha mẹ ông chết không có để lại di chúc. Cha mẹ ông có 06 người con gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị H3.

Khi cha mẹ ông còn sống thì đã chia đất cho các con hết rồi nên khi cha mẹ ông chết thì không để lại di sản gì hết. Khi cha mẹ ông còn sống đã chia đất ruộng (hiện nay nuôi trồng thủy sản) cho các anh em ông gồm: ông H là 17 công tâm cây, ông H1 15 công tâm cây, ông H2 15 công tâm cây, ông P là 12 công, bà T1 03 công. Ngoài ra, còn cho các anh em ông phần đất vườn để ở, ông H cũng được cha mẹ cho ngang 14m dài từ lộ xuống sông, hiện ông H cho con ông H là Nguyễn Thị M cất nhà ở. Do phần đất mà ông H yêu cầu chia thừa kế thì cha mẹ ông đã chia cho các anh em ông rồi và đều đã cất nhà ở ổn định đến nay, cha mẹ ông không còn để lại tài sản nào khác để chia thừa kế nên ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu chia thừa kế của ông H. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

*Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:*

Bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P trình bày:*

Nguồn gốc đất là của cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn T4 và bà Lâm Thị P3. Cha mẹ ông có lại 06 người con gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị H3. Khi cha mẹ ông còn sống đã chia đất cho các anh em ông nên khi cha mẹ ông chết thì không còn để lại di sản gì hết. Ông ở chung với cha mẹ ông nên được cha mẹ cho đất nền ngang 24m, dài 24m là ngay căn nhà cha mẹ ông ở cùng với ông và khoảng 12 công tâm cây đất nuôi trồng thủy sản. Các anh em ông cũng đều được cho đất nền và đất nuôi trồng thủy sản.

Ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông H. Do phần đất ở và đất vườn này cha mẹ ông đã chia cho các anh em ông hết

rồi, ông H cũng đã được cho đất ngang khoảng 20m phần dưới mé sông và hiện ông H đã cất nhà cho con ông H ở. Ngoài ra, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Chị đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H và đồng ý việc ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện. Chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Anh và vợ anh là chị Lý Hằng N3 đang sống cùng với cha anh là ông Nguyễn Văn H2 trên phần đất mà ông H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, anh không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H vì không thoả đáng và ông H không đưa ra được chứng cứ giấy tờ liên quan đến phần đất. Anh thống nhất theo lời trình bày của ông H2, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H4 trình bày:*

Chị không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông H. Chị thống nhất theo lời trình bày của ông H2, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Các đương sự còn lại trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2024/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 40, 91, 147, 186, 217, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với thửa đất số 0336 tờ bản đồ số 05 (bản đồ 299) diện tích 1230m<sup>2</sup> tọa lạc ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với thửa đất số 0335 tờ bản đồ số 05 diện tích 6500m<sup>2</sup>, thửa đất số 0343 tờ bản đồ số 05 diện tích 21.000m<sup>2</sup> và

phần đất ven sông ngang khoảng 100m tọa lạc ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp ông Nguyễn Văn H phải chịu số tiền 4.000.000 đồng. Ông H đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 8.500.000 đồng theo Phiếu thu số 32/TB-TĐ ngày 05/5/2020, đã chi hết số tiền 4.000.000 đồng, ông H đã được nhận lại số tiền 4.500.000 đồng tại Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 21/5/2024 ông H yêu cầu chia thừa kế 02 thửa đất do cha mẹ ông chết để lại và tại đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 22/5/2024 ông H kháng cáo yêu cầu huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết theo thủ tục chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông H thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 07/5/2024 của Toà án nhân dân huyện Phước Long, giao hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 21/5/2024 chị Nguyễn Thị M và anh Võ Văn T3 yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 166/QĐ-VKS-DS ngày 21/5/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, với lý do: Bản án sơ thẩm tuyên đình chỉ phần đất ngang khoảng 100m là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đơn khởi kiện không có yêu cầu phần đất này. Chưa xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ phần đất yêu cầu chia thừa kế ai đang quản lý sử dụng là vi phạm khoản 1 Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày ý kiến:* Toà án cấp sơ thẩm có sai phạm về nội dung và hình thức, do nguyên đơn khởi kiện 03 thửa đất, Toà án sơ thẩm đình chỉ thửa 335 thì ông H đồng ý, đối với thửa đất số 343 Thẩm phán sơ thẩm hướng dẫn nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm ông H2 là bị đơn có yêu cầu giải quyết mỗi người được bao nhiêu mét vuông đất nên việc Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ là không đúng pháp luật. Đối với tài sản trên đất chị M và anh T3 đang quản lý, sử dụng, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu nhưng

không xem xét trong khi đã định giá rồi là không giải quyết toàn diện vụ án.

Ông H khởi kiện 03 thửa đất do bà P3 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Thị giữ. Tài sản này bà Lâm Thị P3 chưa chuyển giao cho ai thì còn là di sản thừa kế. Phần đất ông H được cha mẹ cho và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi cha mẹ còn sống. Về thời điểm mở thừa kế, ông T4 chết năm 1991, bà P3 chết năm 2005 đều trong thời hiệu yêu cầu chia thừa kế; đồng thời, các bị đơn đều xác định họ đang quản lý. Nếu cộng lại tổng diện tích đất các con ông T4, bà P3 quản lý thì tương đương diện tích đất trong giấy chứng nhận bà P3. Do nguyên đơn không xác định được các thửa đất nên Toà án cấp sơ thẩm động viên nguyên đơn rút khởi kiện một phần. Việc xác định giải thừa là trách nhiệm của cơ quan chuyên môn, nguyên đơn không thể tự mình chứng minh được, Toà án cấp sơ thẩm không yêu cầu cơ quan chuyên môn định vị các thửa đất 335, 323 nên không điều tra được toàn diện vụ án. Vì vậy, yêu cầu áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

*Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung giải quyết vụ án:* Các phần đất theo yêu cầu khởi kiện đều không đo đạc được. Nay ông H yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất ở thửa 336, nhưng ông H không cung cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông H cũng không cung cấp được vị trí đất trên thực địa, nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Theo cơ quan chuyên môn xác định tại Công văn số 102 ngày 31/12/2020, thửa 336 có diện tích 1230m<sup>2</sup> được quy đổi theo bản đồ địa chính chính quy 323 là thửa 158, tờ bản đồ 27 diện tích 510,3m<sup>2</sup> do hộ ông Nguyễn Văn H2 đăng ký kê khai sổ mục kê, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, có căn cứ xác định phần đất yêu cầu khởi kiện nằm ở 02 thửa đất, nhưng cấp sơ thẩm không xác minh ai đang quản lý sử dụng. Do ông H không giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không chỉ được vị trí phần đất tranh chấp, nên cũng không xác định được ai đang quản lý sử dụng phần đất.

Đối với phần đất trên sông không có yêu cầu khởi kiện nhưng cấp sơ thẩm giải quyết là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với việc cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Xét kháng cáo của chị M, anh T3 về việc yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận. Phần đất chị M, anh T3 đang quản lý sử dụng

các đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị M, anh T3

Từ cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, không chấp nhận kháng cáo của chị M, anh T3 chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; nên xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ ông chết để lại có diện tích 28.730m<sup>2</sup>, quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác định các phần đất thuộc thửa số 0335, 0336 và 0343, tờ bản đồ số 05 (bản đồ 299) có diện tích 28.730m<sup>2</sup> cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị P3 là mẹ ông H đứng tên, đất tọa lạc ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tại Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 04/8/2023 (bút lục 490) và tại Biên bản ghi lời khai đương sự ngày 30/01/2024, người đại diện theo uỷ quyền của ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất thuộc thửa số 0335, tờ bản đồ số 05, diện tích 6500m<sup>2</sup>; phần đất thuộc thửa số 0343, tờ bản đồ số 05, diện tích 21.000m<sup>2</sup> và phần đất ven sông ngang khoảng 100m. Do các phần đất trên, ông H xác định đã được cha mẹ tặng cho các anh em ông H khi cha mẹ ông còn sống, đồng thời các anh em ông H đã quản lý, sử dụng ổn định. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông H đối với các phần đất nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại Đơn khởi kiện, ông H yêu cầu chia thừa kế phần đất bà Lâm Thị P3 đứng tên diện tích 28.730m<sup>2</sup> và tại Thông báo thụ lý vụ án số 18/TB-TLVA ngày 15/01/2020 của Toà án nhân dân huyện Phước Long thể hiện nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 28.830m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày xác định trong phần đất bà P3 để lại có phần đất ven sông ngang khoảng 100m và yêu cầu chia thừa kế cả phần đất ven sông ngang khoảng 100m.



Xét thấy: Bản án sơ thẩm đình chỉ đối với phần đất ven sông là có sai sót; tuy nhiên, việc đình chỉ của cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; đồng thời, các đương sự không ai kháng cáo đối với nội dung này, nên không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long đối với nội dung này.

[4] Nguyên đơn ông H xác định nguồn gốc đất là của cha mẹ ông H là ông Nguyễn Văn T4 và bà Lâm Thị P3 chết để lại, ông T4 chết năm 1991, bà P3 chết năm 2005, cả ông T4, bà P3 không để lại di chúc, nên ông yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật cho 06 anh em của ông. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các em ông H gồm ông H2, ông P, bà T1 cũng xác định nguồn gốc đất là của cha mẹ là ông T4 và bà P3, nhưng đã tặng cho các con từ khi cha mẹ còn sống và các anh em đã quản lý sử dụng ổn định khoảng 40 năm nay; nên phần đất này không phải là di sản do cha mẹ chết để lại như ông H trình bày.

[5] Trong vụ án này, ông H chỉ còn yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất thuộc thửa số 0336, tờ bản đồ số 05, với diện tích 1230m<sup>2</sup>, diện tích theo hồ sơ kê khai đăng ký của bà Lâm Thị P3. Tại Công văn số 102/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 03/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P đã xác định: *“Thửa đất 0336 tờ bản đồ số 05 (bản đồ 299) diện tích 1230,0m<sup>2</sup> được quy đổi theo bản đồ địa chính chính quy 323 là thửa 158, tờ bản đồ số 27; diện tích 510,3m<sup>2</sup> do hộ ông Nguyễn Văn H2 đăng ký kê khai trên sổ mục kê đất đai 323, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ba lần tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất mà ông H yêu cầu chia thừa kế thể hiện tại các Biên bản ngày 27/5/2020 (bút lục 102), Biên bản ngày 10/7/2020 (bút lục 122) và Biên bản ngày 28/02/2024 (bút lục 606). Tuy nhiên, không tiến hành đo đạc, thẩm định được do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngăn cản, chống đối quyết liệt. Đồng thời, cấp sơ thẩm yêu cầu nguyên đơn cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị P3 để xác định vị trí thửa đất tranh chấp và những người đang quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp nhưng ông H không cung cấp được.

Mặt khác, người đại diện theo uỷ quyền của ông H xác định phần đất mà ông H yêu cầu chia thừa kế là phần đất trên lộ ngang khoảng 100m (trừ đi phần đất nghĩa trang N4 ông H không yêu cầu) chiều dài khoảng 60m hiện nay do ông H2, ông H1, bà T1, ông P đang quản lý, sử dụng. Trong đó bao gồm thửa đất 0336 tờ bản đồ số 05 (bản đồ 299) diện tích 1230m<sup>2</sup> và phần diện tích còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị P3; ông H cũng chưa làm đơn khởi kiện yêu cầu chia trong vụ án này, và ông H cũng không xác định được vị trí của thửa đất 0336 mà ông yêu cầu chia thừa kế thực tế nằm ở vị trí nào và phần đất chưa được cấp giấy nằm ở vị trí nào trong phần đất trên lộ mà ông H đã xác định yêu cầu chia thừa kế khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn yêu cầu nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chỉ vị trí đất tranh chấp ngoài thực địa để thẩm định, đo đạc đối với phần đất trên lộ (giáp lộ phía trên) ngang khoảng 100m. Tuy nhiên, phần đất này có diện tích khoảng 3600m<sup>2</sup>, trong khi thửa đất số 0336 mà ông H đang yêu cầu chỉ có diện tích 1230m<sup>2</sup>. Từ đó cho thấy ông H không xác định được vị trí thửa đất còn lại mà ông H yêu cầu chia thừa kế nằm ở vị trí nào trên thực địa.

[6] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, kháng cáo của nguyên đơn ông H và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T3, chị M đều có nội dung yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định khi cha mẹ là ông T4, bà P3 còn sống có chia đất cho các con cách nay khoảng 40 năm; các ông bà đã sử dụng ổn định đến nay, cha mẹ chia đất không đều, có người ít, người nhiều, ông H được chia khoảng trên 08 công, bà T1 được chia ít nhất khoảng 02 công. Hiện nay do có tranh chấp nên các ông, bà vẫn chưa kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất các phần đất đang sử dụng.

Mặt khác, phần đất ông H yêu cầu chia thừa kế nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông H không chỉ được vị trí phần đất ông yêu cầu trên thực địa cụ thể ở vị trí nào; nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là phù hợp.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi thu thập được tài liệu chứng cứ và xác định được vị trí đất tranh chấp cụ thể theo quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng Nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, anh Võ Văn T3 và chị Nguyễn Thị M.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được chấp nhận miễn án phí. Anh Võ Văn T3, chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, anh Võ Văn T3 và chị Nguyễn Thị M; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2024/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 40, 91, 147, 186, 217, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với thửa đất số 0336 tờ bản đồ số 05 (bản đồ 299) diện tích 1230m<sup>2</sup> tọa lạc ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với thửa đất số 0335 tờ bản đồ số 05 diện tích 6500m<sup>2</sup>, thửa đất số 0343 tờ bản đồ số 05 diện tích 21.000m<sup>2</sup> và phần đất ven sông ngang khoảng 100m tọa lạc ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp ông Nguyễn Văn H phải chịu số tiền 4.000.000 đồng. Ông H đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 8.500.000 đồng theo Phiếu thu số 32/TB-TĐ ngày 05/5/2020, đã chi hết số tiền 4.000.000 đồng, ông H đã được nhận lại số tiền 4.500.000 đồng tại Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

#### 4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H được miễn nộp. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H được miễn nộp.

Chị Nguyễn Thị M và anh Võ Văn T3 là vợ chồng cùng đứng đơn kháng cáo nên phải chịu án phí 300.000 đồng. Chị M anh T3 đã nộp tiền tạm ứng án phí mỗi người 300.000 đồng theo Biên lai số 0006872 và 0006873 cùng ngày 22/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng và hoàn lại 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Phước Long;
- CCTHADS huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**Trương Thanh Dũng**